TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 06 - 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thu Hiền và bà Nguyễn Thị Xoan.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 05 năm 2026 và ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2026/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026, Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2026/TB-TA ngày 27 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H. Sinh ngày 05/03/1983. Số CCCD: 042183003783. Nơi ĐKHKTT: Thôn Q, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện sinh sống tại: Số A, ngõ B, hẻm A, đoạn 7 đường C, quận A, thành phố Đ, Đài Loan. Xin xét xử vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H: Bà Đặng Ánh N. Sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, TP Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đinh Văn Q. Sinh ngày 22/11/1975. Số CCCD: 042075002654. Nơi ĐKHKTT và chổ ở hiện nay: Thôn Q, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết vào ngày 22/12/2006 tại UBND

phường Đ, thị xã H (nay là phường B), tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Sau đó chị H đi xuất khẩu lao động tại nước Đ và mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống xa cách nhau nên không có khả năng hàn gắn. Hiện nay chị H nhận thấy quan hệ vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị H yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Q.

- *Về con chung và cấp dưỡng:* Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 18/05/2007 và Đinh Nguyễn Vũ D, sinh ngày 22/09/2012. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, khỏe mạnh tự chăm lo cuộc sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết; cháu D đang sinh sống cùng anh Q. Do hiện nay chị H đang đi lao động tại Đài Loan nên chị H đồng ý để con ở với anh Q; nếu anh Q yêu cầu cấp dưỡng thì chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật, nếu anh Q không đồng ý thì yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết.

2. Theo biên bản lấy lời khai và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án bị đơn anh Đinh Văn Q trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đinh Văn Q thống nhất như ý kiến của nguyên đơn về nội dung kết hôn, thực trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của vợ chồng. Xét thấy quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn, nay chị H có đơn xin ly hôn thì anh Q đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 18/05/2007 và Đinh Nguyễn Vũ D, sinh ngày 22/09/2012. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, khỏe mạnh tự chăm lo cuộc sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay anh Q có công việc, thu nhập ổn định đủ để nuôi dưỡng con nên khi ly hôn anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Đinh Văn Q không yêu cầu giải quyết.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 478, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 3, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm b Khoản 1 Điều

3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn Q.

- Về con chung và cấp dưỡng: Con chung Đinh Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 18/05/2007 đã đủ tuổi trưởng thành nên miễn xét. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung Đinh Nguyễn Vũ D, sinh ngày 22/09/2012 cho anh Đinh Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Đinh Văn Q, sinh ngày 22/11/1975, địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, bị đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn có đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 22/12/2006 tại UBND phường Đ, thị xã H (nay là phường B), tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình cảm vợ chồng hiện nay giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn Q thấy rằng: Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, đến nay không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Chị H làm đơn ly hôn, Tòa án gửi các văn bản và thông báo anh Q đến làm việc và trình bày ý kiến, anh Q nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn. Điều đó chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 55 Luật

hôn nhân gia đình xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn Q.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Đinh Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 18/05/2007 và Đinh Nguyễn Vũ D, sinh ngày 22/09/2012. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, khỏe mạnh tự chăm lo cuộc sống bản thân nên không xem xét việc nuôi dưỡng. Cháu D đang sinh sống cùng anh Q. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân nhau thì con ở với anh Q, được anh Q chăm sóc chu đáo, được đi học tại các trường trên địa bàn, anh Q có sức khỏe đảm bảo, có công việc và nguồn thu nhập để nuôi sống bản thân và con, anh có nơi cư trú và sinh sống ổn định. Quá trình con ở với anh Q không ai có hành vi bạo lực hay ngược đãi đối với con, cháu cũng có nguyện vọng sống cùng bố. Hiện nay chị H đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng con và chị H cũng có yêu cầu giao con cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cháu Đinh Nguyễn Vũ D cho anh Đinh Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con anh Đinh Văn Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy ý kiến của Viện Kiểm sát là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 478, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Khoản 1, 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 3, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn Q.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung Đinh Nguyễn Vũ D, sinh ngày 22/09/2012 cho anh Đinh Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Chị Nguyễn Thị H tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000005 ngày 06/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Nay trả lại cho chị Nguyễn Thị H 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn anh Đinh Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSNDKV3- Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND phường Bắc Hồng Lĩnh;
- Lưu HSVA, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Trọng